

Bản án số: 113/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 16-11-2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà M Thị Nhắc
2. Bà Đoàn Lệ Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 206/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 432/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 436/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 01/11/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: **Chị Ngô Thị Bạch M**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Anh Lê Văn T**, sinh năm 1982; Nơi cư trú ấp B, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị M có mặt, anh T vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 cũng như tại phiên tòa chị Ngô Thị Bạch M trình bày:

Chị và anh T do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/11/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung tên Lê Văn P, sinh ngày 21/7/2009 và Lê Thị Diễm M1, sinh ngày 06/4/2011. Đến đầu năm 2013 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là

do chị và anh T bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với anh T.

Về con chung: Sau khi ly hôn chị yêu cầu anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Anh Lê Văn T vắng mặt tại Tòa nên không có lời trình bày.

Theo biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 28/10/2022 cháu Lê Văn P trình bày như sau: Hiện nay cháu đang sống chung với anh Lê Văn T. Sau khi chị M và anh T ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung với anh T.

Theo biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 28/10/2022 cháu Lê Thị Diễm M1 trình bày như sau: Hiện nay cháu đang sống chung với anh Lê Văn T. Sau khi chị M và anh T ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung với anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T cụ thể:

+ Về hôn nhân: chị M và anh T được ly hôn với nhau.

+ Về con chung: Sau khi ly hôn anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Văn P, sinh ngày 21/7/2009 và Lê Thị Diễm M1, sinh ngày 06/4/2011, chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/con cho đến khi con tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: không có

+ Về nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2022 của chị Ngô Thị Bạch M đối với anh Lê Văn T thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Anh Lê Văn T có nơi cư trú tại xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho anh T đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh T đến để tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: chị Ngô Thị Bạch M và anh Lê Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 09/11/2015 tại UBND xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ sau khi Tòa thụ lý hồ sơ vụ án đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải cho anh T biết để anh đến Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia hoà giải với chị M nhằm tìm biện pháp tích cực để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng anh T vẫn cố tình không đến, điều đó chứng tỏ anh T cũng không có thiện chí đoàn tụ với chị M. Nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T là phù hợp.

2.2. Về con chung:

Trong thời gian chung sống chị Ngô Thị Bạch M và anh Lê Văn T có 02 con chung tên Lê Văn P, sinh ngày 21/7/2009 và Lê Thị Diễm M1, sinh ngày 06/4/2011. Hiện tại cháu Phúc và cháu My đang sống với anh T, chị M cũng yêu cầu anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh T cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị M. Đồng thời, cháu P và cháu M1 cũng có nguyện vọng sống chung với anh T. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu P và cháu M1 không bị thay đổi, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao cháu P và cháu M1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do anh T không có yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/ con cho đến khi con tròn 18 tuổi nên Tòa ghi nhận.

2.3 Về tài sản chung: Chị M khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: : Chị M khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng chị Ngô Thị Bạch M phải có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Bạch M đối với anh Lê Văn T, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: chị Ngô Thị Bạch M và anh Lê Văn T được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Văn P, sinh ngày 21/7/2009 và Lê Thị Diễm M1, sinh ngày 06/4/2011

Về mức cấp dưỡng nuôi con: chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/con cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Chị Ngô Thị Bạch M được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3 Về tài sản chung: Chị M khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị M khai không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Ngô Thị Bạch M có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009515 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng chị Ngô Thị Bạch M có nghĩa vụ nộp.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày

Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- UBND xã An Thạnh (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm